

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 08 năm 2024  
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Tường – Bà Phan Thị Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXX-ST ngày 29/07/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐ-HPT ngày 14 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị G – sinh ngày 02/09/1982. (Có mặt)

Trú tại: xóm D, xã Đ, huyện Y, Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Á - sinh ngày 15/09/1979.

Trú tại: Xóm D, xã Đ, huyện Y, Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

Chị Trần Thị G và anh Phan Văn Á cưới nhau vào tháng 02/2006, trước khi tiến tới hôn nhân chị G và anh Á có quá trình tìm hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Chị G, anh Á làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 011/2006, ngày 10/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân chủ yếu theo chị G trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. C sống không hòa thuận, cuộc sống thường xảy ra xung đột với nhau qua cách xử sự, có những lời nói không đúng mực với nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc trầm trọng, vợ chồng sống thiếu niềm tin đối với nhau, dẫn đến hôn nhân đổ vỡ.

Do mâu thuẫn, vợ chồng không sống được với nhau nên chị G đã sống ly thân với anh Á từ cuối năm 2023 cho đến nay. Quá trình sống ly thân chị G, anh Á không liên lạc níu kéo hôn nhân. Chị G xác định hôn nhân giữa chị G và anh Á đã đổ vỡ không thể hàn gắn, đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Phan Văn Á.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 03 con chung là Phan Thị Kim O – giới tính: Nữ - sinh ngày 23/11/2006; Phan Thị Mai L – giới tính: Nữ - sinh ngày 16/10/2009; Phan Tuấn A – giới tính: Nam – sinh ngày 17/10/2011. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, con chung được chị G chăm sóc nuôi dưỡng. Chị G đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh Phan Văn Á cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị G không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn Á sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án. Anh Phan Văn Á có đến Tòa án một lần, tuy nhiên do không đồng ý ly hôn nên anh không hợp tác để làm việc, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến trình bày của anh trong quá trình hòa giải để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị Trần Thị G cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị H, anh Á đúng như chị G trình bày .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu chị G, anh Á có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh Á không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Trần Thị G có mặt, bị đơn anh Phan Văn Á vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án

tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị G, anh Á. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị G có mặt, bị đơn anh Á tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Phan Văn Á.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Phan Văn Á đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 011/2006, ngày 10/02/2006, qua đó thấy hôn nhân giữa chị G và anh Á là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh Á đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, sống thiếu niềm tin đối với nhau, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, các bên sống ly thân từ cuối năm 2023. Quá trình sống ly thân chị G, anh Á đã không liên lạc với nhau, không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị G và anh Á thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Á là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị G được ly hôn anh Phan Văn Á.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung được chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung phát triển tốt về mọi mặt. Nay chị G đề nghị giao con chung cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị G.

-Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị G không yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Trần Thị G phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

**Xử:**

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị G được ly hôn anh Phan Văn Á.

2. Về quan hệ con chung: - Giao 03 con chung là Phan Thị Kim O – giới tính: Nữ - sinh ngày 23/11/2006; Phan Thị Mai L – giới tính: Nữ - sinh ngày 16/10/2009; Phan Tuấn A – giới tính: Nam – sinh ngày 17/10/2011 cho chị Trần Thị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phan Văn Á cho đến khi có yêu cầu.

Anh Phan Văn Á không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị G nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí Chị G phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0002880 ngày 13/06/2024, chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Đ(ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Công Hưng**